



# HỌC VIỆN NGOẠI GIAO KHOA LUẬT QUỐC TẾ

## CỬ NHÂN LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ NĂM 2026

Khoa Luật quốc tế

Phòng: D609 – D614

Email: [khoaluatquocte@dav.edu.vn](mailto:khoaluatquocte@dav.edu.vn)

### MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Luật Thương mại quốc tế được xây dựng theo định hướng nghề nghiệp với mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội về luật thương mại quốc tế, chú trọng khả năng thích ứng và hội nhập quốc tế. Chương trình tập trung tăng cường năng lực việc làm và khả năng thích ứng của sinh viên tốt nghiệp trong bối cảnh môi trường thương mại và kinh doanh quốc tế đang thay đổi nhanh chóng dưới tác động của toàn cầu hóa, số hóa và hệ thống quản trị thương mại phức tạp.

Mục tiêu của Chương trình là trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức vững chắc về luật thương mại quốc tế và pháp luật Việt Nam về thương mại, kết hợp với năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và thông thạo ít nhất một ngoại ngữ. Sinh viên đồng thời được trang bị các kỹ năng nghiên cứu pháp lý, năng lực phân tích và giải quyết vấn đề nhằm xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động thương mại xuyên biên giới. Chương trình cũng chú trọng phát triển khả năng tự học và học tập suốt đời để đáp ứng yêu cầu của môi trường pháp lý và thương mại năng động. Bên cạnh đó, Chương trình nhấn mạnh việc bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, tính liêm chính và trách nhiệm xã hội, bảo đảm sinh viên tốt nghiệp có thể đóng góp một cách thiết thực cho các thực tiễn thương mại bền vững và có trách nhiệm trong cả bối cảnh trong nước và quốc tế. Kiến thức và kỹ năng nền tảng này giúp sinh viên có thể làm việc trong nhiều môi trường pháp lý và thương mại khác nhau, bao gồm các hãng luật, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, tổ chức quốc tế và các cơ quan, tổ chức liên quan đến thương mại.

## CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Thương mại quốc tế, sinh viên sẽ đạt được các chuẩn đầu ra (CDR) sau đây:

Mã CDR	Nội dung CDR	Trình độ
<b>CDR về kiến thức</b> <i>(dựa trên thang Bloom, bao gồm 6 bậc từ 1-Ghi nhớ; 2-Hiểu; 3-Áp dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá 6-Sáng tạo)</i>		
PLO1	Vận dụng được các khái niệm cơ bản về triết học, chính trị, an ninh – quốc phòng, kinh tế, quan hệ quốc tế, và pháp luật, tạo nền tảng liên ngành hỗ trợ sinh viên khi tiếp cận luật thương mại quốc tế.	3/6
PLO2	Vận dụng các nguyên tắc cơ bản, khuôn khổ pháp lý và các công cụ điều chỉnh của luật thương mại quốc tế, cùng pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động thương mại.	3/6
PLO3	Phân tích các vấn đề pháp lý phát sinh trong các giao dịch thương mại quốc tế có sự tham gia của Việt Nam.	4/6
PLO4	Nhận diện các vấn đề pháp lý phát sinh trong các giao dịch thương mại quốc tế tại Việt Nam có yếu tố nước ngoài.	3/6
PLO5	Phân tích các vấn đề pháp lý phát sinh từ hoạt động thương mại xuyên biên giới có sự tham gia của chủ thể tư và có yếu tố nước ngoài.	4/6
<b>CDR về kỹ năng</b> <i>(dựa trên thang đo Dave (1975), bao gồm 05 bậc: 1-Mô phỏng; 2-Thao tác lại; 3-Thuần thục, chính xác; 4-Phối hợp các kỹ năng; 5-Thực hiện một cách tự nhiên)</i>		
PLO6	Vận dụng kỹ năng nghiên cứu và tư vấn pháp lý đối với các vấn đề thuộc luật thương mại quốc tế cũng như pháp luật thương mại Việt Nam, bao gồm khả năng phân tích vụ việc, xác định vấn đề pháp lý, tiến hành nghiên cứu pháp lý, giải thích và áp dụng pháp luật, xây dựng lập luận và thực hiện kỹ năng viết pháp lý.	3/5

PLO7	Phát triển các kỹ năng tư duy phản biện, lập luận, viết và trình bày; kỹ năng giao tiếp, hợp tác và làm việc nhóm; cùng khả năng nhận diện và thích ứng với thay đổi, tiếp thu cái mới và hòa nhập hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.	3/5
PLO8	Phát triển kỹ năng đàm phán, soạn thảo, thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp giữa các bên trong lĩnh vực luật thương mại quốc tế.	3/5
PLO9	Vận dụng năng lực ngoại ngữ (tối thiểu có năng lực ngoại ngữ chính từ Bậc 4 trở lên theo khung ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) vào việc đọc, dịch, tổng hợp thông tin, viết báo cáo và trình bày các nội dung chuyên môn trong lĩnh vực luật thương mại quốc tế.	4/5
PLO10	Thành thạo việc vận dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm các công cụ dựa trên trí tuệ nhân tạo nhằm phục vụ nghiên cứu pháp lý, phân tích dữ liệu và nâng cao hiệu quả công việc trong lĩnh vực luật thương mại quốc tế.	3/5
<b>CDR về tự chủ và chịu trách nhiệm</b> <i>(dựa trên thang Krathwol (1964), bao gồm 05 bậc: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng, thực hiện; 3-Đánh giá, thừa nhận giá trị; 4-Hệ thống hóa giá trị; 5-Đặc trưng hóa)</i>		
PLO11	Xây dựng được đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp luật quốc tế, ý thức trách nhiệm công dân, tôn trọng pháp luật, quyền con người và quyền công dân; có kỷ luật và tinh thần hợp tác.	4/5
PLO12	Vận dụng năng lực tự chủ và học tập suốt đời thông qua tự học, tự nghiên cứu và chủ động tích lũy kinh nghiệm nhằm không ngừng nâng cao năng lực nghề nghiệp và khả năng thích ứng trong các môi trường làm việc đa dạng.	4/5

## NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 11 tín chỉ\*

Stt	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Triết học Mác – Lênin	FC.001.03	03	Tiếng Việt
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	FC.002.02	02	Tiếng Việt
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	FC.003.02	02	Tiếng Việt
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	FC.004.02	02	Tiếng Việt
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	FC.005.02	02	Tiếng Việt
6	<i>Năng lực số</i>	<i>IT.001.02</i>	<i>02</i>	Tiếng Việt
7	<i>Giáo dục thể chất</i>	<i>AAD.001.03</i>	<i>03</i>	Tiếng Việt
8	<i>Giáo dục quốc phòng – an ninh</i>	<i>AAD.002.08</i>	<i>08</i>	Tiếng Việt

\* Không bao gồm số tín chỉ của học phần Tin học, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh

## 2. Khối kiến thức loại ngữ: 24 tín chỉ

Sinh viên được học theo trình độ phù hợp (sơ cấp, trung cấp hoặc nâng cao) và được lựa chọn (có điều kiện <sup>(\*)</sup>) học 01 ngoại ngữ (ngoại ngữ 1: 24 tín chỉ) hoặc 02 ngoại ngữ (ngoại ngữ 1: 15 tín chỉ và ngoại ngữ 2: 9 tín chỉ).

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Ngoại ngữ 1	24 hoặc 15	Ngoại ngữ 1
2	Ngoại ngữ 2	0 hoặc 09	Ngoại ngữ 2
<ul style="list-style-type: none"><li>• Đối với ngoại ngữ 1, sinh viên lựa chọn học 1 trong 5 ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn. Đối với ngoại ngữ 2, sinh viên có thể lựa chọn 1 trong các ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Đức.</li><li>• (*) Chỉ sinh viên có trình độ ngoại ngữ chính (Ngoại ngữ 1) từ trung cấp trở lên mới được lựa chọn học thêm ngoại ngữ thứ 2. Sinh viên có trình độ sơ cấp phải học đủ 24 tín chỉ ngoại ngữ 1.</li></ul>			

(Xem chi tiết tại Phụ lục Chương trình khung đào tạo ngoại ngữ kèm theo).

## 3. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 79 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
<b>a. Kiến thức cơ sở ngành: 19 tín chỉ</b>				
1	Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam	IL.062.04	04	Tiếng Việt
2	Luật hiến pháp Việt Nam và các nước	IL.003.03	03	Tiếng Việt
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	IL.063.03	03	Tiếng Việt
4	Nghề luật và đạo đức nghề luật	IL.064.03	03	Tiếng Việt
5	Kỹ năng tranh tụng và thực hành diễn án luật	IL.034.02	02	Tiếng Việt
6	Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính, ngoại giao và văn bản quy phạm pháp luật	IL.065.02	02	Tiếng Việt

7	Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại quốc tế	TL.038.02	02	Tiếng Việt
<b><i>b. Khối kiến thức cốt lõi ngành bắt buộc: 44 tín chỉ</i></b>				
<i>Sinh viên phải hoàn thành 44 tín chỉ kiến thức cốt lõi ngành bắt buộc</i>				
1	Pháp luật hình sự Việt Nam	IL.068.02	02	Tiếng Việt
2	Pháp luật hành chính Việt Nam	IL.069.02	02	Tiếng Việt
3	Pháp luật kinh tế Việt Nam	TL.044.02	02	Tiếng Việt
4	Pháp luật dân sự Việt Nam I	IL.066.03	03	Tiếng Việt
5	Pháp luật dân sự Việt Nam II	IL.067.02	02	Tiếng Việt
6	Luật thương mại Việt Nam I	TL.045.03	03	Tiếng Việt
7	Luật thương mại Việt Nam II	TL.046.02	02	Tiếng Việt
8	Công pháp quốc tế	TL.047.03	03	Tiếng Việt
9	Tư pháp quốc tế	IL.004.03	03	Tiếng Việt
10	Pháp luật thương mại quốc tế	TL.048.03	03	Tiếng Việt
11	Pháp luật kinh doanh quốc tế	TL.049.02	02	Tiếng Việt
12	Pháp luật đầu tư quốc tế	TL.050.03	03	Tiếng Việt
13	Pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	TL.051.02	02	Tiếng Việt
14	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	TL.052.03	03	Tiếng Việt
15	Trọng tài thương mại quốc tế	IL.032.02	02	Tiếng Việt
16	Giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư quốc tế	TL.069.03	03	Tiếng Việt
17	Thương mại quốc tế và các vấn đề pháp lý đương đại	TL.053.02	02	Tiếng Việt
18	Kinh tế học	IE.087.02	02	Tiếng Việt

**c. Kiến thức chuyên ngành tự chọn: 16 tín chỉ**

*Sinh viên cần lựa chọn và hoàn thành 16 tín chỉ trong các học phần dưới đây. Cố vấn học tập và giảng viên chủ nhiệm khóa sẽ hướng dẫn sinh viên lựa chọn các học phần phù hợp với định hướng học tập, nghiên cứu và nghề nghiệp tương lai.*

*Các học phần tự chọn có thể được điều chỉnh và bổ sung trên cơ sở nhu cầu của sinh viên, xã hội và tình hình nhân sự thực tế của Khoa.*

<b>Chuyên sâu pháp luật Việt Nam</b>				
1	Luật hải quan Việt Nam	TL.039.02	02	Tiếng Việt
2	Luật thương mại điện tử Việt Nam	TL.070.03	03	Tiếng Việt
3	Luật cạnh tranh Việt Nam	IL.054.02	02	Tiếng Việt
4	Luật lao động Việt Nam	IL.017.03	03	Tiếng Việt
<b>Chuyên sâu pháp luật thương mại quốc tế</b>				
1	Pháp luật về thương mại hàng hóa quốc tế	TL.054.03	03	Tiếng Việt
2	Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế	TL.055.03	03	Tiếng Việt
3	Các biện pháp phòng vệ thương mại	TL.056.03	03	Tiếng Việt
4	Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới	IL.045.02	02	Tiếng Việt
5	Các hiệp định đầu tư song phương của Việt Nam	TL.057.02	02	Tiếng Việt
6	Pháp luật về các tổ chức kinh tế quốc tế	TL.058.02	02	Tiếng Việt
7	Pháp luật về vận tải và thanh toán quốc tế	TL.059.02	02	Tiếng Việt
8	Pháp luật về không gian số	TL.060.02	02	Tiếng Việt
9	Quyền con người trong thương mại quốc tế	TL.061.02	02	Tiếng Việt

10	Pháp luật thương mại quốc tế và phát triển bền vững	TL.062.02	02	Tiếng Việt
<b>Các học phần pháp luật khác</b>				
1	Luật hợp đồng so sánh	TL.063.03	03	Tiếng Việt
2	Luật doanh nghiệp so sánh	TL.064.03	03	Tiếng Việt
3	Pháp luật về thuế Việt Nam và quốc tế	TL.065.03	03	Tiếng Việt
4	Pháp luật về chứng khoán và dịch vụ tài chính	TL.066.02	02	Tiếng Việt
5	Pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân	TL.067.02	02	Tiếng Việt
6	Pháp luật về tài sản số	IL.076.02	02	Tiếng Việt
7	Kỹ năng phân tích và bình luận án lệ	IL.077.02	02	Tiếng Việt
<b>Học phần bổ trợ</b> (gồm các học phần lựa chọn theo định hướng nghề luật của sinh viên sau khi tốt nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau như: ngoại giao, kinh tế, truyền thông, văn hoá)				
1	Chính sách đối ngoại Việt Nam	IR.046.03	03	Tiếng Việt
2	Công tác ngoại giao	IR.025.03	03	Tiếng Việt
3	Ngoại giao văn hoá	IC.010.03	03	Tiếng Việt
4	Đại cương truyền thông quốc tế	IC.061.03	03	Tiếng Việt
5	Quan hệ kinh tế quốc tế	IE.006.03	03	Tiếng Việt
6	Kinh doanh quốc tế	IE.042.03	03	Tiếng Việt

#### 4. Thực tập và trải nghiệm: 07 tín chỉ\*\*

Stt	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	<i>Hướng nghiệp</i>	AAD.037.03	03	Tiếng Việt
2	<i>Thực tập cuối khoá</i>	IL.038.04	04	Tiếng Việt

### 5. Tốt nghiệp: 9 tín chỉ

Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
Tuỳ theo kết quả học tập, năng lực của sinh viên và điều kiện về giảng viên hướng dẫn, người học làm khoá luận tốt nghiệp hoặc học các học phần sau đây:			
- Khóa luận tốt nghiệp - Hoặc hoàn thành một số học phần bổ sung <sup>***</sup>	TL.068.09	9	Tiếng Việt/Tiếng Anh

*\*\* Không bao gồm tín chỉ của học phần hướng nghiệp và thực tập cuối khóa.*

*\*\*\* Sinh viên lựa chọn học phần trong số những học phần thuộc khối Kiến thức chuyên ngành tự chọn mà trước đó chưa học.*